TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HSST
Ngày 03/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy
2. Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Hữu L, sinh năm 1988 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm C, sinh năm 1951; con bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số: 136/2009/HSST ngày 15/12/2009 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ L Hình sự năm 1999; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

Bản án số: 24/2007/HSST ngày 07/3/2007 của TAND huyện D, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (giá trị tài sản trộm cắp là 1.400.000 đồng)

Bản án số: 26/2008/HSST ngày 13/3/2008 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (giá trị tài sản trộm cắp là 930.000 đồng).

Do giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong 02 Bản án này dưới 2.000.000 đồng nên theo điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ-QH ngày 19/6/2009 của Quốc hội thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Bản án số: 114/2012/HSST ngày 11/9/2012 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Bản án số: 23/2017/HSST ngày 27/12/2017 của TAND TX. E, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 2 Điều 138 Bộ L Hình sự năm 1999 (02 Bản án này xét xử bị cáo về hành vi phạm tội xảy ra sau khi bị cáo thực hiện hành vi đang bị truy tố nên không xem là tiền án).

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số: 23/2017/HSST ngày 27/12/2017 của TAND TX. E tại Trại giam F, tỉnh Bình Thuận – Có mặt tại phiên tòa.

1. Bị hại: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ dân phố 01, thị trấn G, huyện I, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Người làm chứng: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 02, xã J, huyện I, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h00 ngày 22/02/2011, Phạm Hữu L đón xe khách đi từ xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông đến thị trấn G, huyện I để mua phụ tùng sửa máy phát cỏ. Đến khoảng 09h15' cùng ngày, L xuống xe tại ngã ba G rồi đi bộ về hướng huyện M để tìm nơi bán. Khi đi đến trước nhà bà Ngô Thị D thuộc TDP1, thị trấn G, L thấy trong sân nhà bà D có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển kiểm soát 48F9-2468 nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, L đi vào trong sân và nhìn vào trong phòng khách thì thấy trên bàn uống nước ở phòng khách có để chìa khóa xe và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Thấy vậy, L đi vào phòng khách lấy chìa khóa xe và điện thoại rồi đi ra sân lấy xe chạy về hướng huyện K. Trên đường đi, L bán chiếc điện thoại cho 01 cửa hàng mua bán điện thoại di động ở TX. N (nay là TP. N) được 300.000 đồng rồi tiếp tục điều khiển xe về rẫy tại thôn 3, xã Q, huyện K cất giấu.

Đến ngày 01/3/2011, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F9-2468 về Đồng Nai để tiêu thụ. Khi đi đến thôn 9, xã S, huyện I thì bị cháu của bà D là Trần Văn T phát hiện và báo Công an bắt.

Kết luận định giá tài sản ngày 03/3/2011 và ngày 27/5/2011 của Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F9-2468 là 55.800.000 đồng và của chiếc điện thoại Nokia là 350.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển kiểm soát 48F9-2468.

Sau khi bị bắt giữ, L khai tên là Phạm Hữu L1, sinh ngày 16/11/1993 (là tên em trai của L). Do đó, cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Phạm Hữu L1. Đến ngày 20/7/2011, TAND huyện Đắk R'Lấp đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt Phạm Hữu L1 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại Bản án số: 35/2011/HSST. Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành và bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 07/8/2019, TAND Cấp cao tại TP. HCM xét xử Giám đốc thẩm, tuyên hủy Bản án số: 35/2011/HSST ngày 20/7/2011 để điều tra lại theo quy định vì Phạm Hữu L đã sử dụng nhân thân, lai lịch của em trai ruột (là người chưa thành niên và chưa có tiền án, tiền sự) để khai báo với các cơ quan tố tụng nhằm hưởng mức án nhẹ hơn.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Hữu L đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 10/CTr– VKS - ĐL ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố bị cáo Phạm Hữu L về tội: *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hữu L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Hữu L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình 04 (Bốn) năm tù của Bản án số 23/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã E, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/7/2017, được khấu trừ đi thời hạn bị cáo đã chấp hành hình phạt tù từ ngày 01/3/2011 đến 01/3/2012.

Đối với chiếc điện thoại di động, bị cáo không nhớ đã bán cho ai nên cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị D không yêu cầu bị can phải bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị can.

Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đắk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ L tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Hữu L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã công bố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện khoảng 09h30 ngày 22/02/2011, Phạm Hữu L đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển kiểm soát 48F9-2468 trị giá 55.800.000 đồng và chiếc điện thoại Nokia trị giá 350.000 đồng của bà Ngô Thị D tại TDP1, thị trấn G, huyện I. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 56.150.000 đồng.

Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Hữu L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;"

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Ngô Thị D, gây ảnh hưởng xấu đến nền trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xem nhẹ quyền sở hữu về tài sản của người khác. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã một thời gian dài thì mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2]. *Về tình tiết định khung hình phạt*:

Hành vi của bị cáo vi phạm tình tiết định khung tăng nặng tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án số 136/2009/HSST ngày 15/12/2009 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai và 04 nhân thân xấu tại các bản án: Bản án số: 24/2007/HSST ngày 07/3/2007 của TAND huyện D, tỉnh Đồng Nai; Bản án số: 26/2008/HSST ngày 13/3/2008 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai; Bản án số: 114/2012/HSST ngày 11/9/2012 của TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai; Bản án số: 23/2017/HSST ngày 27/12/2017 của TAND TX. E, tỉnh Đồng Nai (Bản án số 24, 26 do giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong 02 Bản án này dưới 2.000.000 đồng nên theo điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ-QH ngày 19/6/2009 của Quốc hội thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Bản án số 114, 23 thời điểm xét xử bị cáo về hành vi phạm tội xảy ra sau khi bị cáo thực hiện hành vi đang bị truy tố nên không xem là tiền án). Do bị cáo đang có tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới nên thuộc trường hợp "*Tái phạm*" theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước. Mặc dù trong quá trình điều tra xét xử lại bị cáo đã khai đúng tên, hành vi phạm tội nhưng xét thấy việc bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử năm 2011 đã cố tình che dấu tên tuổi dẫn tới việc xét xử không đúng tên thật của bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*".

Bị cáo Phạm Hữu L đang phải chấp hành một bản án khác nên cần áp dụng Điều 50; Điều 51 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử, sau đó tổng hợp với phần hình phạt của bản án trước để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Trước đây bị cáo Phạm Hữu L đã lấy tên là Phạm Hữu L1 để khai báo trong quá trình xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp và bị xử phạt 01 năm tù tại Bản án số 35/2011/HSST ngày 20/7/2011, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Vì vậy, cần khấu trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù tại bản án số 35.

[4]. *Việc trách nhiệm dân sự:* Bị hại là bà Ngô Thị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Việc xử lý vật chứng vụ án:* Đối với chiếc xe Piaggio Vespa LX125, biển kiểm soát 48F9-2468, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk R'Lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 07 ngày 10/3/2011 trả lại cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị D phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động, bị cáo không nhớ đã bán cho ai nên cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

[6]. *Về án phí:* Bị cáo Phạm Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng được khấu trừ vào biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 002251 ngày 25/8/2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Đắk Nông với tên Phạm Hữu L1 do bị cáo lấy tên L1 tại thời điểm xét xử năm 2011. Bị cáo Phạm Hữu L đã chấp hành xong phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Hữu L** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: **Phạm Hữu L** 03 (Ba) năm tù.

Căn cứ Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 04(Bốn) năm tù của Bản án số 23/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã E, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo **Phạm Hữu L** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/7/2017 (Được khấu trừ đi thời hạn đã chấp hành xong tại Bản án số 35/2011/HSTT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông từ ngày 01/3/2011 đến ngày 01/3/2012 với tên là Phạm Hữu L1)

2. Việc trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Ngô Thị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

3. Việc xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk R'Lấp ra Quyết định xử lý vật chứng số 07 ngày 10/3/2011 trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển kiểm soát 48F9-2468 cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị D.

Đối với chiếc điện thoại di động, bị cáo không nhớ đã bán cho ai nên cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

4. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Hữu L đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 002251 ngày 25/8/2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- CC. THADS huyện I;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh